

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ LÀNH MẠNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Đinh Thị Thanh Vân*, Lê Ngọc Thiên Trang**, Bùi Nguyên Hạnh***

Ngày nhận: 23/4/2015

Ngày nhận bản sửa: 22/7/2015

Ngày duyệt đăng: 25/01/2016

Tóm tắt:

Bài nghiên cứu phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến sự lành mạnh tài chính của 18 ngân hàng thương mại Việt Nam bằng bộ chỉ số FSIs cốt lõi trong giai đoạn 2008-2013. Nghiên cứu sử dụng các chỉ số FSIs để xếp hạng cho 18 ngân hàng sau đó tiến hành hồi quy dữ liệu mảng với biến phụ thuộc là xếp hạng lành mạnh tài chính của các ngân hàng và biến độc lập là 6 chỉ số FSIs được lựa chọn phù hợp. Kết quả xác định được mức độ ảnh hưởng của nợ xấu đến lành mạnh tài chính là lớn nhất, sau đó là CAR và ROE, cuối cùng là thanh khoản và thu nhập. Từ những phân tích lỗ hổng và yếu kém của hệ thống ngân hàng, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị cho những nhà làm chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá lành mạnh tài chính và quan trọng hơn hết là cải thiện mức độ lành mạnh tài chính của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Từ khóa: FSIs, lành mạnh tài chính, ngân hàng thương mại

Factors affecting financial soundness of commercial banks in Vietnam

Abstract:

This paper analyzes effect level of factors on financial soundness of 18 commercial banks in Viet Nam using core-FSIs in the period 2008-2013. The paper uses FSIs indicators to grade 18 banks, then panel data regression with financial soundness ranking as the dependent variables and the independent variables including 6 FSIs indicators. The results show that nonperforming loans is the factor that has strongest effect on financial soundness, followed by CAR and ROE, liquid indicator and earning indicators. Based on the results derived from the regression model, the authors propose policy implications to bank managers and policy makers in order to improve financial soundness for Vietnamese banking sector.

Keywords: FSIs; financial soundness; commercial bank.

1. Giới thiệu

Từ khi bắt đầu cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và một vài hệ thống tài chính trên thế giới đã bị sụp đổ, những người làm công tác giám sát ngân hàng đã chú trọng đến tầm quan trọng của an toàn và lành mạnh tài chính (Natasha & Yoko, 2014). Các bộ chỉ số và phương pháp đánh giá cũng được các tổ chức tài chính quốc tế, giám sát ngân hàng thực hiện cho nhiều quốc gia và khu vực với các đề xuất và khuyến khích áp dụng thích hợp. Để tạo điều kiện cho việc tăng tính minh bạch và so sánh

giữa các quốc gia khác nhau, Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) xây dựng bộ chỉ số FSI “Bộ chỉ số lành mạnh tài chính” nhằm đánh giá độ ổn định và lành mạnh tài chính của mỗi quốc gia cũng như toàn cầu với một hướng dẫn cụ thể và thống nhất từ IMF. Những chỉ số này chứa đựng các vấn đề của ổn định tài chính như một hiện tượng mang tính hệ thống, do đó nó không chỉ liên quan đến các hệ thống tài chính mà còn ảnh hưởng đến khu vực chính phủ (IMF & WB, 2005).

Các báo cáo của Ngân hàng thế giới (WB), IMF,

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) thường xuyên đánh giá tổng quan hệ thống tài chính, đề cập một số khía cạnh lành mạnh của hệ thống tài chính Việt Nam. Ở Việt Nam, việc tính toán FSIs được thực hiện một cách độc lập trong một số cơ quan nhà nước như Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia mà chưa có sự phối hợp tính toán bộ chỉ số hoàn chỉnh và thống nhất. Ngoài ra, một số nghiên cứu trong nước đã sử dụng công cụ FSIs trong phân tích và đánh giá hệ thống tài chính. Nghiên cứu Nguyễn Thị Minh Huệ (2012) sử dụng các chỉ số FSIs cốt lõi để đánh giá sự lành mạnh của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Dựa trên kết quả tính toán các chỉ số FSIs cơ bản của 34 trong số 42 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam, nghiên cứu đã cho thấy các ngân hàng tập trung nhiều vào hoạt động cho vay, chưa khai thác tối đa tiềm lực bên trong, tỷ lệ vốn trên tổng tài sản so với các nước trong khu vực còn thấp. Tuy nhiên, nghiên cứu đánh giá trong năm 2010 và tính toán các số liệu dựa trên báo cáo tài chính không đầy đủ nên một số đánh giá chưa có ý nghĩa cho hệ thống ngân hàng qua cả giai đoạn. Trong hội thảo tìm hiểu và phân tích bộ chỉ số lành mạnh tài chính do ADB và VEPR tổ chức, nghiên cứu Nguyễn Đức Thành & Vũ Minh Long (2014) thực hiện trên một nhóm các ngân hàng trong giai đoạn 2008-2012, đưa ra một số kết luận: tỉ lệ an toàn vốn thậm chí cao hơn 9%, tuy nhiên chất lượng tài sản có gần đây không an toàn do các khoản nợ xấu tăng cao. Mặc dù tăng trưởng nhanh trong giai đoạn trước nhưng các chỉ số đo lường thu nhập và lợi nhuận đều giảm và cùng với đó là các chỉ số thanh khoản đều có xu hướng giảm. Nghiên cứu này cũng so sánh dựa trên các biểu đồ mà chưa đánh giá được mức độ tác động cụ thể của từng nhân tố đến lành mạnh tài chính. Bên cạnh đó, nghiên cứu Trịnh Quốc Trung & Nguyễn Văn Sang (2013) đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng, chủ yếu là ảnh hưởng đến ROE và ROA hay Liễu Thu Trúc & Võ Thành Danh (2012) cũng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng về mặt chi phí và quy mô. Nhưng nhìn chung, các nghiên cứu đều đánh giá ở một khía cạnh trong hoạt động của ngân hàng mà chưa tính đến yếu tố lành mạnh tài chính. Hầu hết các nghiên cứu chưa đi sâu vào đánh giá mức độ tác động của các yếu tố tiềm ẩn bên trong đến sự lành mạnh tài chính của ngân hàng.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn 2008- 2013, các bất ổn của kinh tế vĩ mô đã gây ra nhiều rủi ro làm tổn

thương hệ thống ngân hàng trên nhiều khía cạnh (Nguyễn Thị Mùi, 2015). Theo báo cáo vĩ mô của ngân hàng HSBC đầu năm cho thấy, 2015 là một năm khó khăn với nền kinh tế Việt Nam. Theo Ủy ban giám sát tài chính quốc gia (2015), 6 tháng đầu năm 2015 tình hình thanh khoản tạm thời ổn định, tiền gửi khách hàng tăng 1,62% nhưng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng cùng kì năm 2014 (4%), các tổ chức tín dụng đã có giảm tài sản liên ngân hàng nhưng vẫn còn ở tỉ lệ cao. Đặc biệt, từ đầu năm đến nay, đã có ba ngân hàng bị Ngân hàng Nhà nước mua lại với giá 0 đồng, chứng tỏ hệ thống ngân hàng Việt Nam tồn tại nhiều yếu kém. Bên cạnh đó, tình hình nợ xấu trong hệ thống ngân hàng vẫn chưa có triển vọng cải thiện khi mà việc xử lý nợ xấu còn chậm và chỉ tập hợp lại chứ chưa giải quyết tận gốc vấn đề. Nhận thấy còn nhiều tồn tại và yếu kém bên trong ngân hàng, nghiên cứu đã quyết định xem xét yếu tố nào là yếu tố then chốt tác động mạnh đến an toàn và lành mạnh tài chính của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 2008-2013. Để đảm bảo một hệ thống ngân hàng có sức khỏe tốt và ổn định, các ngân hàng phải được phân tích và đánh giá để tìm ra các lỗ hổng tiềm ẩn và yếu kém đang tồn tại.

Nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng với bộ chỉ số FSI để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến sự an toàn và lành mạnh tài chính của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 2008-2013. Kết quả sẽ tìm ra những yếu tố nào thực sự tác động lớn đến lành mạnh tài chính để từ đó đưa ra những kết luận và khuyến nghị cụ thể phù hợp cho các ngân hàng, đóng góp những nhu cầu thực tiễn khách quan về cải thiện mức độ lành mạnh tài chính.

2. Cơ sở lý thuyết về lành mạnh tài chính

Sự lành mạnh tài chính là khái niệm khó để định nghĩa, theo Yayla & cộng sự (2008), lành mạnh tài chính nghĩa là hệ thống ngân hàng có khả năng thực hiện các trách nhiệm của nó hoặc theo cách khác nếu hệ thống đó có sự thiếu hụt lợi nhuận rất thấp trong bất kì hoàn cảnh nào. Khái niệm lành mạnh tài chính được liên kết chặt chẽ với ổn định tài chính. Một hệ thống tài chính được coi là ổn định và lành mạnh khi không có sự xuất hiện của yếu tố dễ biến động, suy thoái hay khủng hoảng. Định nghĩa này thì đơn giản để đưa ra nhưng thiếu sự bao hàm đầy đủ chức năng của một hệ thống tài chính (Gadanecz & Jayaram, 2010). Dựa trên nhiều quan điểm, bài nghiên cứu nhận thấy sự ổn định và lành mạnh tài chính được định nghĩa một cách đầy đủ theo José-Manuel (2007) là một trạng thái mà hệ thống tài

chính (bao gồm các trung gian tài chính, cấu trúc thị trường tài chính), có thể chịu đựng những cú sốc và có khả năng bộc lộ sớm sự mất cân bằng tài chính, do đó làm giảm sự gián đoạn của quy trình trung gian tài chính rất phức tạp đủ để làm phân tán cơ hội đầu tư có lợi của những người nắm giữ tiền.

Mỗi đất nước có một định nghĩa riêng về ổn định và lành mạnh tài chính dựa trên đặc thù và mức độ phát triển của hệ thống tài chính ở quốc gia đó. Bài báo giới thiệu một số định nghĩa về ổn định và lành mạnh tài chính ở một số quốc gia.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu lựa chọn đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến lành mạnh tài chính của các NHTM Việt Nam giai đoạn 2008-2013. Theo Nguyễn Đức Thành (2009), từ đầu quý 4/2008 nền kinh tế Việt Nam mới thực sự chịu nhiều tác động do sự suy thoái vốn đầu tư nước ngoài và sụt giảm cầu xuất khẩu nhưng trước đó đã có nhiều biểu hiện bất ổn trong nền kinh tế như lạm phát cao, thâm hụt ngân sách, doanh nghiệp điều đứng vì thắt chặt tiền tệ. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng là một trong ba trụ cột của nền kinh tế cũng chịu tác động từ bất ổn của nền kinh tế vĩ mô từ năm 2008 cho đến nay. Đến giữa năm 2015, hầu hết các ngân hàng chưa công bố báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của năm 2014, vì vậy, dựa trên số liệu thu thập được nghiên cứu lựa chọn đánh giá lành mạnh tài chính NHTM giai đoạn 2008-2013 để có thể thực hiện đánh giá hệ thống ngân hàng với số liệu đầy đủ.

Nghiên cứu thu thập dữ liệu của 18 NHTM ở Việt Nam giai đoạn 2008-2013 từ Báo cáo tài chính hợp

nhất, Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán được lấy từ website chính thức của 18 ngân hàng. Sau khi xem xét toàn bộ hệ thống NHTM Việt Nam, chỉ có 18 ngân hàng được lựa chọn công bố đủ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán liên tục trong giai đoạn 2008-2013 và có dữ liệu đầy đủ để tính các chỉ số FSI. Tổng tài sản của 18 ngân hàng trong bài nghiên cứu chiếm trên 60% tổng tài sản của hệ thống ngân hàng qua các năm nên đủ sức đại diện để đánh giá lành mạnh tài chính cho toàn hệ thống.

3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu tính toán 10 chỉ tiêu cốt lõi của FSI cho các ngân hàng trong 6 năm (2008-2013) dựa trên Báo cáo tài chính hợp nhất, Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, đó là các chỉ tiêu: Tỷ lệ an toàn vốn (CAR), Vốn tự có cấp 1/ Tài sản điều chỉnh theo trọng số rủi ro, Nợ xấu ròng/Vốn, Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), Tỷ lệ nợ xấu (NPLs), Tỷ lệ lãi thuần/Tổng thu nhập, Tỷ lệ chi phí ngoài lãi/Tổng thu nhập, Tỷ lệ tài sản thanh khoản/Tổng Tài sản, Tài sản thanh khoản/Nguồn vốn ngắn hạn.

Biến phụ thuộc là xếp hạng lành mạnh tài chính được tính toán theo nghiên cứu Roman & Sargu (2008). Trong mỗi năm, các chỉ số FSI được xếp hạng theo thứ tự từ 1 đến 18 tương ứng với 18 ngân hàng. Các chỉ số mang tín hiệu tốt được xếp hạng từ 1 đến 18 và ngược lại. Để làm rõ hơn việc tính toán, hai chỉ số đại diện để phân tích là NPLs và ROA. NPLs là chỉ số thể hiện tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng nghĩa là chỉ số này càng thấp sẽ thể hiện ngân hàng

Bảng 1: Định nghĩa về ổn định và lành mạnh tài chính của các ngân hàng trung ương

Ngân hàng Trung ương	Định nghĩa	Nguồn
Ngân hàng Dự trữ Úc	Một hệ thống ổn định và lành mạnh tài chính là nơi mà trung gian chuyên tiền có điều kiện dễ dàng để luân chuyển các dòng tiền giữa người tiết kiệm và người đầu tư, từ đó đóng góp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.	http://www.rba.gov.au
Deutsche Bundesbank	Ổn định và lành mạnh tài chính khi mà hệ thống tài chính có khả năng thực hiện tốt chức năng kinh tế vĩ mô chính của nó, thậm chí trong tình trạng suy thoái và trong suốt giai đoạn thay đổi về mặt cấu trúc.	http://www.bundesbank.de
Czech National Bank(CNB)	Ổn định và lành mạnh tài chính khi mà hệ thống tài chính hoạt động mà không có những tổn thất nghiêm trọng tác động đến nền kinh tế hiện tại và tương lai và thể hiện một khả năng phục hồi nhanh với các cú sốc	Báo cáo ổn định tài chính

Nguồn: Abayomi & Mohammed (2008)

có chất lượng tín dụng tốt. Vì vậy, ngân hàng nào có chỉ số NPLs thấp nhất sẽ tương ứng với xếp hạng cao nhất là 1, ngân hàng có chỉ số NPLs cao nhất sẽ xếp hạng thấp nhất là 18. ROA là chỉ số thể hiện tỉ lệ sinh lời trên tổng tài sản, chỉ số này càng cao thể hiện ngân hàng có tài sản mang lại hiệu quả cao. Vì vậy, ngân hàng có chỉ số ROA cao nhất tương ứng với xếp hạng 1, ngân hàng có chỉ số ROA thấp nhất sẽ xếp hạng thấp nhất là 18. Biến phụ thuộc là giá trị trung bình xếp hạng 10 chỉ số của một ngân hàng trong một năm, vì vậy, mỗi ngân hàng sẽ tương ứng được xếp hạng trong 6 năm.

Các biến độc lập (Bảng 2) được lựa chọn dựa trên tổng hợp các nghiên cứu trước đây và do ảnh hưởng của hiện tượng đa cộng tuyến nên nghiên cứu sẽ xem xét ảnh hưởng của 6 chỉ số này đến lành mạnh

tài chính của hệ thống ngân hàng trong giai đoạn 2008-2013.

3.3. Mô hình nghiên cứu

Mô hình hồi quy tuyến tính với dữ liệu mảng thực hiện trên phần mềm STATA 12. Thống kê mô tả dữ liệu về các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu.

Mô hình tổng quát:

$$Rank_{it} = \beta_0 + \beta_1.car_{it} + \beta_2.npls_{it} + \beta_3.roe_{it} + \beta_4.laithuan_{it} + \beta_5.ngoailai_{it} + \beta_6.tk_ts_{it} + u_{it} \quad (1)$$

Trong đó:

$rank_{it}$: Biến phụ thuộc

car_{it} , $npls_{it}$, roe_{it} , $laithuan_{it}$, $ngoailai_{it}$, tk_ts_{it} : Biến độc lập

$\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_6$: Các hệ số hồi quy

u_{it} : Sai số ngẫu nhiên

Bảng 2: Các biến sử dụng trong mô hình

Nghiên cứu	Tên biến	Ý nghĩa	Ký hiệu	Kỳ vọng dấu
Navajas & Thegeya (2013)	Tỉ lệ an toàn vốn	Đo lường tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của tổ chức nhận tiền gửi hay đo lường khả năng đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ đối với người gửi tiền của tổ chức đó.	<i>car</i>	-
	Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	Đánh giá về lợi nhuận của tổ chức nhận tiền gửi và đo lường hiệu quả của tổ chức nhận tiền gửi trong việc sử dụng vốn chủ sở hữu.	<i>roe</i>	-
MacDonald & Koch (2003)	Tỉ lệ lãi thuần/Tổng thu nhập	Đánh giá thu nhập từ hoạt động tín dụng so với các hoạt động khác trong việc tạo ra thu nhập cho ngân hàng	<i>laithuan</i>	+
	Tỉ lệ chi phí ngoài lãi/Tổng thu nhập	Đo lường chi phí quản lý so với tổng thu nhập và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của các tổ chức nhận tiền gửi.	<i>ngoailai</i>	+
Karim, Chan & cộng sự (2010)	Tỉ lệ nợ xấu	Đánh giá chất lượng tín dụng của các khoản vay ngân hàng.	<i>npls</i>	+
Tsomocos & Sepulveda (2011)	Tỉ lệ Tài sản thanh toán/Tổng Tài sản	Cung cấp thông tin về khả năng đáp ứng nhu cầu rút tiền mặt dự tính và bất thường của khách hàng gửi tại tổ chức nhận tiền gửi.	<i>tk_ts</i>	-
	Lành mạnh tài chính	Giá trị trung bình của các xếp hạng cả 6 chỉ số FSIs của từng ngân hàng trong 6 năm (2008-2013).	<i>rank</i>	

Bảng 3: Thống kê các quan sát theo biến độc lập

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	GT nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
<i>car</i>	105	0.16755	0.0494	0.7378
<i>npls</i>	106	0.23479	0.0034	0.09
<i>roe</i>	108	0.10766	0.0007	0.2846
<i>laithuan</i>	108	0.80922	0.2144	1.585
<i>ngoailai</i>	108	0.58464	0.0921	0.9274
<i>tk_ts</i>	108	0.2204	0.0284	0.5828

Nguồn: Dựa trên thông kê trên phần mềm STATA 12

Bảng 4: Hồi quy mô hình theo FEM và REM và Kiểm định Hausman

Mô hình Variables	REM rank	FEM rank
car	-17.10203*** (4.55164)	-12.28735* (6.46136)
npls	39.85723 (25.69014)	34.47941 (27.10430)
roe	-16.37247** (7.96736)	-17.28183* (8.95374)
laithuan	4.97793** (2.17916)	5.65418** (2.32038)
ngoailai	5.82922* (3.20286)	1.12208 (3.87663)
tk_ts	-9.29528** (4.18405)	-13.61616*** (5.02384)
Constant	8.48515*** (2.90123)	10.64256*** (3.19609)
Observations	105	105
Number of nganhang	18	18
Hausman Test	Prob>chi2 = 0.3102	
Durbin-Watson Test	1.2227515	

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định

Giả định rằng các biến độc lập không ngẫu nhiên và các số hạng sai số tuân theo các giả định kinh điển, ấy là $E(uit) \sim N(0, \sigma^2)$.

Dựa trên mô hình tổng quát, tác giả tiến hành phân tích định lượng theo các bước sau:

- Bước 1. Hồi quy mô hình các yếu tố ảnh hưởng cố định – FEM

- Bước 2. Hồi quy mô hình các yếu tố ảnh hưởng ngẫu nhiên – REM

- Bước 3. Kiểm định Hausman, lựa chọn mô hình thích hợp cho nghiên cứu (FEM hoặc REM)

- Bước 4. Kiểm định các khuyết tật của mô hình

- Bước 5. Khắc phục các khuyết tật của mô hình (nếu có) bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất có trọng số FGLS.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Dựa trên những cơ sở lý thuyết đã trình bày ở phần (1) và (2), tiến hành ước lượng mô hình trên phần mềm STATA 12 thu được kết quả như sau:

Kết quả kiểm định Hausman cho thấy: Với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, $p\text{-value} = 0.3102 > 0.05$.

Kết luận: Giả thuyết H_0 bị bác bỏ, mô hình REM là thích hợp hơn FEM.

Mô hình được kiểm định bằng kiểm định Durbin-Watson và thu được kết quả như sau:

Giá trị d thu được từ kiểm định Durbin-Watson là 1.2227515, thỏa mãn $1 < d < 3$

Kết luận: Mô hình không có hiện tượng tự tương quan

Kiểm định phát hiện đa cộng tuyến: Sử dụng lệnh `correlate` trên STATA và thu được ma trận tương quan giữa các biến như trình bày ở Bảng 5.

Các biến trong mô hình đều có r_i thỏa mãn $-0.5 < r_i < 0.5$

Kết luận: Mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Kiểm định phương sai sai số thay đổi: Bảng kiểm định Breusch – Pagan cho mô hình REM với câu lệnh `xttest0`, kết quả thu được: Giá trị $\text{Prob} = 0.0002 < \alpha$. Do đó, bác bỏ giả thuyết H_0 .

Bảng 5: Kiểm tra đa cộng tuyến giữa các biến

	car	Npls	roe	laithuan	ngoailai	tk_ts
car	1					
npls	0.0096	1				
roe	-0.2777	-0.2656	1			
laithuan	0.3141	0.0276	-0.2246	1		
ngoailai	-0.0913	0.23	-0.4202	0.2015	1	
tk_ts	-0.1462	-0.3922	0.3203	0.049	-0.1884	1

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định

Bảng 6: Kết quả mô hình

Mô hình	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị z	Mức ý nghĩa
Hằng số	5,885317	2,50969	2,35	0,019
<i>car</i>	-21,47457	3,780788	-5,68	0,000
<i>npls</i>	77,62667	20,51168	3,78	0,000
<i>roe</i>	-18,54581	6,450497	-2,88	0,004
<i>laithuan</i>	5,282022	1,741651	3,03	0,002
<i>ngoailai</i>	9,595865	2,87877	3,33	0,001
<i>tk_ts</i>	-8,634657	3,480917	-2,48	0,013

Ghi chú: a. Biến phụ thuộc: rank

Kết luận: Mô hình REM có xảy ra hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Tiến hành khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi bằng phương pháp ước lượng FGLS bằng câu lệnh *xtgls* và thu được kết quả như sau:

Phương trình hồi quy:

$$Rank_{it} = 5.885317 - 21.47457car_{it} + 77.62667npls_{it} - 18.54581roe_{it} + 5.282022laithuan_{it} + 9.595865ngoailai_{it} - 8.634657tk_ts_{it}$$

4.2. Thảo luận kết quả

Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu CAR tăng 1% sẽ dẫn tới xếp hạng lành mạnh tài chính của ngân hàng tăng 21,47%. Điều này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu của Mayes & Stremmel (2012) và Estrella & cộng sự (2000). Các nghiên cứu này đều chỉ ra rằng CAR là chỉ số hiệu quả nhất dự báo sự khủng hoảng, đặc biệt trong khoảng thời gian dài và khẳng định chỉ số an toàn vốn là chiếc chìa khóa quan trọng để đảm bảo sức khỏe của các ngân hàng.

npls tăng 1% sẽ dẫn tới giá trị trung bình xếp hạng lành mạnh tài chính của ngân hàng giảm 77,63%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây. Theo Andrieș & cộng sự (2011), nợ xấu là một khoản rất tốn kém và làm giảm đáng kể lợi nhuận của các ngân hàng. Nợ xấu cũng gây ra sự tổn kém chi phí quản lý. Do vậy, ảnh hưởng tiêu cực mà nợ xấu gây ra cho các ngân hàng là rất đáng lo ngại.

roe cũng là một nhân tố tác động đáng kể đến sự lành mạnh tài chính của ngân hàng, cụ thể: *roe* tăng 1%, giá trị trung bình xếp hạng lành mạnh tài chính tăng 18,54%. Theo đó, những ngân hàng có chỉ tiêu về lợi nhuận tốt sẽ ít có khả năng phải đối mặt với

khủng hoảng trong tương lai (Poghosyan & Čihák, 2009). Theo Nguyễn Minh Kiều (2007), một số chỉ tiêu tài chính mang tính chất *càng lớn càng tốt*, trong đó có *roe*.

Hai chỉ tiêu *laithuan* và *ngoailai* đều có tác động đối với sự lành mạnh tài chính của các NHTM. Cụ thể: nếu chi phí ngoài lãi tăng 1% sẽ dẫn đến mức độ lành mạnh tài chính của ngân hàng giảm 9,6% và thu nhập lãi thuần tăng 1% sẽ dẫn đến mức độ lành mạnh tài chính của ngân hàng giảm 5,3%. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của MacDonald & Koch (2003).

Chỉ tiêu *tk_ts*: Tỷ lệ thanh khoản tăng 1% sẽ tăng mức độ lành mạnh tài chính lên 8,63%. Theo Wagner (2005), trong một giai đoạn thường, sự tăng lên của tính thanh khoản không ảnh hưởng quá nhiều đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng, do đó, con số 8,63% là hợp lý.

Như vậy, mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến sự lành mạnh tài chính của các NHTM Việt Nam mà nghiên cứu đưa ra là hợp lý về mặt ý nghĩa thống kê và ý nghĩa kinh tế.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Sau quá trình phân tích dữ liệu, hồi quy mô hình và kiểm định các giả thuyết, nghiên cứu rút ra được các kết luận.

- Các nhân tố tác động tích cực đến mức độ lành mạnh tài chính của các NHTM là CAR, ROE và Tỷ lệ tài sản thanh khoản/Tổng tài sản, với mức tác động lần lượt là 21,47%, 18,55% và 8,63% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.

- Các nhân tố có ảnh hưởng tiêu cực đến mức độ lành mạnh tài chính của các NHTM Việt Nam là tỉ

lệ nợ xấu, Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập và Tỷ lệ chi phí ngoài lãi/Tổng thu nhập, với mức tác động lần lượt là 77,63%, 5,28% và 9,60% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi.

- Ba nhân tố quan trọng nhất, có mức ảnh hưởng cao nhất đến mức độ lành mạnh tài chính của các NHTM Việt Nam là Tỷ lệ an toàn vốn, Tỷ lệ lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu và Tỷ lệ nợ xấu.

Nghiên cứu này vẫn còn hạn chế về thu thập dữ liệu, dữ liệu sẵn có thu thập được mới chỉ dừng lại ở 18 ngân hàng. Các nghiên cứu tiếp theo có thể thu thập đầy đủ số liệu của bộ chỉ số cốt lõi (Core FSIs) và mở rộng thực hiện ở giai đoạn hồi phục và tăng trưởng, sau đó kết hợp cả ba giai đoạn và bổ sung các biến kinh tế vĩ mô sẽ thu được những kết quả có ý nghĩa về mặt vĩ mô và vĩ mô của nền kinh tế trước, trong và sau khủng hoảng.

5.2. Khuyến nghị

Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá lành mạnh tài chính hệ thống NHTM Việt Nam

Để nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá lành mạnh tài chính, những giải pháp sau cần được lưu ý thực hiện:

- Ngân hàng Nhà nước cần yêu cầu bắt buộc công bố và cung cấp thông tin đầy đủ về báo cáo tài chính đã kiểm toán, bao gồm cả Thuyết minh báo cáo tài chính đầy đủ của các NHTM trên website chính thức của mỗi ngân hàng để tăng tính minh bạch và tính có thể so sánh được, đồng thời giúp người thực hiện đánh giá giảm bớt khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin, ngoài ra Ngân hàng Nhà nước cần chỉ đạo các NHTM tiến hành lập báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) thay vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS).

- Hoạt động đánh giá lành mạnh tài chính các NHTM cần được tiến hành thường xuyên, liên tục và cố định hàng năm (hoặc nửa năm) trên toàn bộ hệ thống ngân hàng để Ngân hàng Nhà nước và những

người sử dụng thông tin có cái nhìn cập nhật nhất về tình hình sức khỏe của hệ thống.

Khuyến nghị nhằm cải thiện sự ổn định và lành mạnh tài chính hệ thống NHTM Việt Nam.

Kết quả của nghiên cứu cho thấy ba yếu tố quan trọng có tầm ảnh hưởng lớn nhất đến sự ổn định và lành mạnh tài chính hệ thống NHTM Việt Nam là: CAR, ROE và NPLs, do đó các khuyến nghị sau đây tập trung vào giải quyết những vấn đề còn tồn tại từ ba nhân tố này.

- Tỷ lệ an toàn vốn – CAR: Quy định đảm bảo chỉ tiêu an toàn vốn song song với việc đảm bảo dư nợ cho vay, tức là các ngân hàng sẽ không thể giảm dư nợ cho vay để đạt mục đích tăng CAR. Đối với những ngân hàng có quy mô vốn nhỏ, gặp nhiều khó khăn và không thể tăng vốn, giải pháp khả thi nhất chính là hợp nhất, sáp nhập, bán lại. Đối với các ngân hàng gặp khó khăn về vốn, cần đẩy mạnh bán nợ xấu cho Công ty quản lý tài sản VAMC và thu về trái phiếu đặc biệt, trên cơ sở đó sẽ được phê duyệt khoản vay tái cấp vốn từ Chính phủ.

- Tỷ lệ Nợ xấu – NPLs: Nhà nước cần hoàn thiện hiệu quả hoạt động của Công ty quản lý tài sản (VAMC) bằng cách trao quyền độc lập để công ty hoạt động có hiệu quả. Một công ty quản lý tài sản cần phải có đầy đủ thẩm quyền, hoạt động tự do, độc lập khỏi sự cản trở về mặt chính trị (Fung & cộng sự, 2004). Các khoản nợ xấu mà VAMC mua lại phải là những khoản có khả năng thu hồi được, giá mua lại khoảng 40 – 45% giá trị khoản nợ sổ sách (theo kinh nghiệm của Hàn Quốc và Malaysia).

- Tỷ lệ lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu - ROE: Để cải thiện tỉ số ROE, các ngân hàng cần tập trung nhiều hơn vào mảng bán lẻ là hoạt động đem lại doanh thu chắc chắn, hạn chế và phân tán rủi ro cho các ngân hàng. Ngoài ra, các ngân hàng cần kiểm soát tốt các dòng chi phí như chi phí nhân viên, mua công cụ, dụng cụ,... tránh tình trạng gây lãng phí làm giảm lợi nhuận của ngân hàng. □

Tài liệu tham khảo

- Abayomi A. A., & Mohammed A. S. (2008), 'What is Financial Stability?', *Financial Stability Paper Series*, No. 1, 4-21.
- Andrieș, A. M., Cocriș, V., & Popescu, M. (2011), 'The impact of quality of loans on the performance of banks', *Euro Economica*, 29(3), 59-66.
- Estrella, A., Park, S., & Peristiani, S. (2000), 'Capital Ratios as Predictors', *Economic Policy Review*, 6(2).
- Fung, B., George, J., Hohl, S., & Ma, G. (2004), *Public asset management Companies in East Asia: A comparative Study*, Financial Stability Institute, 1-67.
- Gadanez, B. & Jayaram, K. (2010), 'Measures of financial stability – a review', *IFC Bulletin*, 365-377.
- IMF & WB (2005), *Financial Sector Assessment: Handbook*, Washington, USA.

- José-Manuel, G. P.(2007), ‘Progress towards a framework for financial stability assessment’, Istanbul, 28/6: OECD World Forum on “Statistics, Knowledge and Policy”.
- Karim, M. Z. A., Chan, S. G., & Hassan, S. (2010), ‘Bank Efficiency And Non-Performing Loans: Evidence From Malaysia And Singapore’, *Prague Economic Papers*, 2, 118-132.
- Liễu Thu Trúc & Võ Thành Danh (2012), ‘Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2006-2009’, *Tạp chí khoa học*, 21a, 148-157.
- MacDonald, S. S., & Koch, T. W. (2003), *Bank Management*, 5th edition, New York: Cengage Learning.
- Mayes, D. G., & Stremmel, H. (2012), ‘The Effectiveness Of Capital Adequacy Measures In Predicting Bank Distress’, Retrieved 11/07/2015, from http://www.rbnz.govt.nz/research_and_publications/seminars_and_workshops/dec2012/Session3_Mayes.162502.pdf
- Natasha, X. C. & Yoko, N. X. (2014), ‘Financial Soundness Indicators and the Characteristics of Financial Cycles’, *Washington: IMF Working Paper. WP/14/14*.
- Navajas, M. C., & Thegeya, A. (2013), ‘Financial Soundness Indicators and Banking’, *Wp/13/263, Washington: International Monetary Fund*.
- Nguyễn Đức Thành & Vũ Minh Long (2014), ‘A Financial Assessment for Vietnam’s banking system using financial soundness indicators’, *Understanding And Analysing Financial Soundness Indicators*, Hội thảo VERP và ADB hợp tác, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Thành (2009), *Suy giảm Kinh Tế Việt Nam*, truy cập 10/07/2015, từ <http://www.ncseif.gov.vn/sites/en/Pages/suygiamkinhte vietnam-nd-13662.html>
- Nguyễn Minh Kiều (2007), *Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại*, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh Huệ (2012), ‘Đánh giá hệ thống ngân hàng Việt Nam qua một số chỉ số lành mạnh tài chính’, *Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh*, 28(3), 158-166.
- Nguyễn Thị Mùi (2015), *Giải pháp phát triển ổn định và lành mạnh hệ thống ngân hàng*, truy cập 10/07/2015, từ <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/trao-doi—binh-luan/giai-phap-phat-trien-on-dinh-va-lanh-manh-he-thong-ngan-hang-59491.html>
- Poghosyan, T., & Čihák, M. (2009), *Distress in European Banks: An Analysis based on a New Data Set*, IMF.
- Roman, A. & Sargu, A. C. (2013), ‘Analysing the Financial Soundness of the Commercial Banks in Romania: An Approach Based on the Camels Framework’, *Procedia Economics and Finance*, 6, 703–712.
- Trịnh Quốc Trung & Nguyễn Văn Sang(2013), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam’, *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, 85, 11-14.
- Tsomocos, D., & Sepulveda, J. F. M. (2011), *Liquidity effects on asset prices, financial stability and economic resilience*, Business School and St. Edmund Hall, University of Oxford, London, England.
- Wagner, W. (2005), ‘The Liquidity of Bank Assets and Banking Stability’, *Cambridge Endowment for Research in Finance*, Cambridge: University of Cambridge and Tilburg University.
- Yayla, M., Hekimoglu, A., & Kutlukaya, M. (2008), *Financial Stability of the Turkish Banking Survey*, Ankara: BDDK Bankacılık ve Finansal Piyasalar.

Thông tin tác giả:

***Đinh Thị Thanh Vân**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Lĩnh vực nghiên cứu chính: quản trị ngân hàng thương mại, dịch vụ ngân hàng, mua bán và sáp nhập ngân hàng, ngân hàng điện tử

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Ngân hàng*, *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, *Tạp chí Quản lý NN về Kinh tế*, *Journal of Relationship Marketing*...

- Địa chỉ Email: vandtt@vnu.edu.vn

****Lê Ngọc Thiên Trang**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

*****Bùi Nguyên Hạnh**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội